

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027
ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

(Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non thí điểm)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-BGDĐT ngày 12/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Chương trình Giáo dục mầm non thí điểm thực hiện từ năm học 2026–2027;

Căn cứ Công văn số 2595/BGDĐT-GDMN ngày 14/05/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thí điểm Chương trình Giáo dục mầm non mới năm học 2026–2027;

Căn cứ mục tiêu giáo dục nhà trẻ, hệ thống năng lực theo lĩnh vực và Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ của Chương trình Giáo dục mầm non thí điểm;

Căn cứ các tài liệu bồi dưỡng, hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non thí điểm do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn năm 2026, trọng tâm các nội dung về phát triển Chương trình giáo dục nhà trường, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ nhà trẻ, nuôi dưỡng – chăm sóc – sức khỏe – an toàn và giáo dục hòa nhập;

Căn cứ Chương trình giáo dục nhà trường và Kế hoạch giáo dục năm học 2026–2027 của nhà trường; kế hoạch của tổ/khối chuyên môn; điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, học liệu, nguồn lực và đặc điểm phát triển, nhu cầu, hứng thú của trẻ 24–36 tháng;

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, tổ/khối nhà trẻ 24-36 tháng xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2026-2027, bảo đảm mục tiêu và yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ; tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tích hợp trong toàn bộ chế độ sinh hoạt; ưu tiên an toàn, gắn bó, thích nghi, vận động, giao tiếp, hoạt động với đồ vật, tự phục vụ và sự tiến bộ của từng trẻ.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm độ tuổi và quy mô thực hiện

Độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng gồm 05 nhóm/lớp, tổng số 85 trẻ; trong đó nam 45 trẻ, nữ 40 trẻ; ăn bán trú 85 trẻ; trẻ cần hỗ trợ đặc biệt/giáo dục hòa nhập (nếu có): 0 trẻ. Đội ngũ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ gồm 11 giáo viên. Số liệu được cập nhật theo hồ sơ đầu năm học và điều chỉnh khi có biến động.

Trẻ 24-36 tháng ở giai đoạn cuối tuổi nhà trẻ, nhu cầu gắn bó và an toàn cảm xúc vẫn cao nhưng khả năng vận động, thao tác đồ vật, giao tiếp bằng lời, tự phục vụ và chơi cùng bạn tăng nhanh. Mức độ phát triển giữa trẻ có thể khác nhau rõ rệt; việc tổ chức cần dựa trên quan sát thực tế và mức hỗ trợ phù hợp từng trẻ.

2. Thuận lợi

Nhà trường có Chương trình giáo dục nhà trường và Kế hoạch giáo dục năm học làm căn cứ thống nhất; Ban giám hiệu quan tâm chỉ đạo chuyên môn, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng và trao đổi chuyên môn về Chương trình Giáo dục mầm non thí điểm. Môi trường trong và ngoài lớp được tổ chức theo hướng an toàn, thân thiện, có khu vực vận động, hoạt động với đồ vật, sách tranh, nghệ thuật và trải nghiệm phù hợp để trẻ được chơi, thao tác và giao tiếp.

Giáo viên có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ; việc phối hợp theo tổ/khối tạo điều kiện thống nhất cách tổ chức chế độ sinh hoạt, quan sát, hỗ trợ cảm xúc và cá

nhân hóa hoạt động. Cha mẹ trẻ có thể phối hợp qua nhiều kênh để trao đổi về ăn - ngủ - sức khỏe - cảm xúc - giao tiếp và nề nếp của trẻ.

3. Khó khăn và yêu cầu điều chỉnh

Nhiều trẻ lần đầu đi học hoặc mới chuyển nhóm nên thời gian đầu có thể quấy khóc, rứt rề, chưa ổn định ăn - ngủ - vệ sinh và khả năng tự phục vụ; ngôn ngữ, vận động, khả năng chờ đợi, chơi cùng bạn và tự điều chỉnh chưa đồng đều. Một bộ phận cha mẹ bận công việc nên thời gian phối hợp trực tiếp còn hạn chế.

Trên cơ sở đặc điểm phát triển của trẻ, kế hoạch tập trung vào: đón trẻ phù hợp với từng cá nhân; duy trì nhịp sinh hoạt ổn định; tổ chức hoạt động ngắn, lặp lại có ý nghĩa; tăng tương tác trực tiếp cá nhân và nhóm nhỏ; tạo cơ hội cho trẻ thao tác với vật thật. Giáo viên theo dõi trẻ cần hỗ trợ riêng để điều chỉnh môi trường, học liệu, thời lượng, quy mô nhóm và mức trợ giúp. Không để trẻ ngồi chờ lâu, không yêu cầu sản phẩm giống nhau và hạn chế tối đa việc sử dụng màn hình đối với trẻ nhà trẻ.

III. MỤC TIÊU CHUNG, PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Mục tiêu chung

Giáo dục trẻ 24-36 tháng nhằm phát triển toàn diện, hài hòa về thể chất, tình cảm - xã hội, ngôn ngữ, nhận thức và nghệ thuật; giúp trẻ khỏe mạnh, cảm thấy an toàn và gắn bó, thích nghi với chế độ sinh hoạt nhà trẻ, tăng khả năng vận động và thao tác, diễn đạt nhu cầu bằng lời nói/cử chỉ, tò mò khám phá và vui thích tham gia các hoạt động nghệ thuật phù hợp lứa tuổi.

Lĩnh vực	Định hướng mục tiêu 24 - 36 tháng
Thể chất	Phát triển vận động thô, vận động tinh, khả năng phối hợp cơ thể; duy trì nề nếp ăn - ngủ - vệ sinh; tăng tự phục vụ; hình thành nhận biết ban đầu về dinh dưỡng, sức khỏe và an toàn.
Tình cảm - xã hội	Nhận biết bản thân và cảm xúc rõ hơn; gắn bó với người thân/cô; chơi cạnh và chơi cùng bạn; chờ lượt, chia sẻ đơn giản; thực hiện nề nếp, hành vi văn hóa và hành động thân thiện với môi trường.
Ngôn ngữ	Nghe hiểu và trao đổi bằng câu ngắn; mở rộng vốn từ; trả lời câu hỏi, kể/nhắc lại chi tiết đơn giản; hứng thú sách, ký hiệu, dấu vẽ và giao tiếp lễ phép bước đầu.
Nhận thức	Tăng quan sát, sử dụng giác quan và thử nghiệm; nhận biết đặc điểm/công dụng; phân biệt hai đối tượng; làm quen số lượng, hình, kích thước, vị trí và quan hệ đơn giản trong bối cảnh thật.
Nghệ thuật	Hứng thú nghe hát, vận động, gõ đệm; thử vật liệu tạo hình và tạo sản phẩm đơn giản; nhận biết, bắt chước và thể hiện lại lời nói/cử chỉ/vai quen thuộc.

2. Phẩm chất cốt lõi

Phẩm chất cốt lõi	Biểu hiện định hướng phù hợp trẻ 24 - 36 tháng
Yêu thương	Biết gắn bó, thể hiện tình cảm với bản thân, cha mẹ/người thân, cô giáo, bạn bè; thân thiện với cây, con vật và môi trường gần gũi.

Phẩm chất cốt lõi	Biểu hiện định hướng phù hợp trẻ 24 - 36 tháng
Tôn trọng	Bước đầu biết lắng nghe, chờ đợi, chơi cạnh/chơi cùng bạn; tôn trọng đồ dùng của người khác và chấp nhận sự khác biệt trong giao tiếp hằng ngày.
Trung thực	Bước đầu bộc lộ đúng nhu cầu, cảm xúc và điều mình thích/không thích; biết nói/ra hiệu khi làm sai hoặc cần người lớn giúp đỡ.
Trách nhiệm	Bước đầu hình thành nề nếp, tự phục vụ phù hợp; biết cất đồ dùng, giữ vệ sinh, bảo vệ đồ chơi, cây xanh, con vật và thực hiện quy tắc an toàn đơn giản.

3. Năng lực chung

Năng lực chung	Biểu hiện định hướng phù hợp trẻ 24 - 36 tháng
Giao tiếp	Biết lắng nghe, dùng lời nói/cử chỉ/ánh mắt để thể hiện nhu cầu, cảm xúc và tương tác với người gần gũi.
Hợp tác	Biết chơi cạnh, chơi cùng; bước đầu chia sẻ, chờ lượt, cùng thực hiện việc đơn giản với bạn và người lớn.
Giải quyết vấn đề	Bước đầu thử, lựa chọn và điều chỉnh hành động để giải quyết tình huống đơn giản trong chơi và sinh hoạt.
Thích ứng	Dần ổn định cảm xúc, hành vi khi thay đổi hoạt động, địa điểm, người cùng chơi và chế độ sinh hoạt.
Tự lực	Tự thực hiện một số việc phù hợp như xúc ăn, cất đồ, lấy/cất đồ dùng, lựa chọn hoạt động và tham gia vệ sinh với sự hỗ trợ cần thiết.

4. Yêu cầu cần đạt và nguyên tắc sử dụng

Độ tuổi 24-36 tháng là độ tuổi cuối của giai đoạn nhà trẻ. Hệ thống 32 mục tiêu giáo dục năm bám trực tiếp mục tiêu và Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ của Chương trình Giáo dục mầm non thí điểm. Mã NT24-MT01-NT24-MT32 dùng để quản lý kế hoạch; các mã TC, TX, NN, NT, NgT trong cột YCCD được giữ nguyên để đối chiếu trực tiếp. Việc tổ chức và đánh giá căn cứ vào khả năng, mức hỗ trợ và sự tiến bộ thực tế của từng trẻ; không chuyển YCCD thành bài kiểm tra hoặc yêu cầu mọi trẻ thể hiện giống nhau tại cùng một thời điểm.

5. Định hướng chuyển tiếp 24-36 tháng lên mẫu giáo 3-4 tuổi

Cuối năm học, trẻ được chuẩn bị chuyển tiếp bằng các trải nghiệm hằng ngày: duy trì ăn - ngủ - vệ sinh ổn định; tăng tự xúc ăn, cất/lấy đồ dùng, giao tiếp bằng lời/cử chỉ; chơi cùng bạn, tham gia nhóm nhỏ, chú ý trong thời gian phù hợp và làm quen dần với nhịp sinh hoạt mẫu giáo. Việc chuyển tiếp thực hiện nhẹ nhàng qua trao đổi hồ sơ quan sát, thói quen và mức hỗ trợ của trẻ; có thể cho trẻ làm quen không gian/giáo viên mẫu giáo khi phù hợp, không kéo dài thời gian ngồi học hoặc tăng yêu cầu học thuật.

IV. PHÂN PHỐI THỜI GIAN VÀ TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

1. Phân phối thời gian

Kế hoạch giáo dục được tổ chức trong 35 tuần thực học, mỗi tuần 05 ngày. Mục tiêu và YCCD được tạo cơ hội thực hiện lặp lại trong nhiều thời điểm, chủ đề và bối cảnh; thời điểm có thể điều chỉnh theo tiến bộ thực tế của trẻ nhưng không làm giảm độ bao phủ của Chương trình. Học kỳ, ngày nghỉ lễ và nghỉ Tết thực hiện theo khung thời gian năm học và kế hoạch của nhà trường.

2. Nguyên tắc tổ chức chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là một phần của chương trình giáo dục, bảo đảm nhịp điệu ổn định, xen kẽ hợp lý giữa động - tĩnh, chơi - nghỉ, ăn - ngủ - vệ sinh và thời gian trẻ được lựa chọn, khám phá. Chuyển tiếp giữa các hoạt động được tổ chức nhẹ nhàng; giáo viên quan sát trạng thái của trẻ để điều chỉnh linh hoạt, không kéo dài hoạt động gây mệt mỏi hoặc áp lực.

Trong mọi thời điểm, giáo viên tích hợp giao tiếp, tự lực, thích ứng, hợp tác, vệ sinh, an toàn và điều chỉnh cảm xúc; không dồn nội dung giáo dục vào hoạt động chơi - tập có chủ đích.

Thời điểm/hoạt động	Yêu cầu tổ chức
Đón trẻ - chơi tự chọn	Quan sát sức khỏe, cảm xúc; đón cá nhân hóa; trao đổi nhanh với gia đình; hỗ trợ trẻ cất đồ, chào người thân, chọn hoạt động; tạo cảm giác an toàn, gắn bó.
Vận động/thể dục sáng	Vận động ngắn, vui, bắt chước, theo nhạc hoặc trò chơi; tạo cơ hội đi, chạy, bò, nhún, bật, phối hợp tay - mắt theo khả năng.
Hoạt động ngoài trời	Vận động; quan sát cây, con vật, thời tiết, phương tiện; chơi vật liệu thiên nhiên/cát - nước an toàn; trải nghiệm đa giác quan gần gũi.
Chơi - tập có chủ đích	Ngắn gọn, rõ mục tiêu, nhiều thao tác và trải nghiệm; ưu tiên vật thật, làm mẫu, câu hỏi/gợi ý đơn giản; giảm dần hỗ trợ khi trẻ có thể tự thực hiện.
Hoạt động với đồ vật/chơi ở khu vực	Cho trẻ cầm - nắm - xếp - lắp - tháo - mở - đóng - đẩy - kéo - thử công dụng; chơi thao tác vai, sách tranh, nghệ thuật; ưu tiên cá nhân/nhóm nhỏ và lặp lại.
Ăn - ngủ - vệ sinh	Tổ chức như thời điểm giáo dục tự lực, giao tiếp, dinh dưỡng, vệ sinh, sức khỏe và an toàn; tôn trọng nhu cầu cá nhân, không ép buộc.
Hoạt động chiều - trả trẻ	Chơi theo ý thích, đọc sách, vận động nhẹ, củng cố trải nghiệm; quan sát trạng thái cuối ngày, chuẩn bị ra về và trao đổi thông tin cần thiết với gia đình.

V. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

Nuôi dưỡng và chăm sóc được tổ chức thống nhất với giáo dục, không tách rời khỏi chế độ sinh hoạt. Giáo viên tạo cơ hội để trẻ hình thành hành vi ăn uống tích cực, tự phục vụ phù hợp, báo nhu cầu/khó chịu, thực hiện vệ sinh và nhận biết nguy cơ trong các tình huống thực tế.

Nội dung	Yêu cầu thực hiện
Chế độ ăn	Trẻ nhà trẻ 24 - 36 tháng: 01 bữa chính và 01 bữa phụ tại trường; xây dựng khung thực đơn 2 - 4 tuần không lặp lại, đa dạng thực phẩm, phù hợp mùa và điều kiện thực tế.
Năng lượng	Nhu cầu khuyến nghị cả ngày: 930 - 1.000 Kcal/trẻ/ngày. Tại cơ sở giáo dục mầm non: khoảng 579 - 676 Kcal/trẻ/ngày, tương ứng 60 - 70% nhu cầu năng lượng cả ngày.
Cơ cấu chất sinh năng lượng	Protein: 13 - 20%; Lipid: 30 - 40%; Glucid: 40 - 50% năng lượng khẩu phần.
Giấc ngủ	Trẻ 24 - 36 tháng ngủ 01 giấc ban ngày; thời gian khuyến nghị 110 - 120 phút/giấc. Bảo đảm phòng ngủ yên tĩnh, an toàn, phù hợp; giáo viên theo dõi trong suốt thời gian trẻ ngủ và hỗ trợ trẻ khó ngủ bằng giao tiếp tích cực.
Vệ sinh - sức khỏe	Rèn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; theo dõi sức khỏe, phát hiện biểu hiện bất thường; phối hợp cha mẹ trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và hình thành nề nếp.
An toàn	Rà soát môi trường, đồ dùng, đồ chơi, thực phẩm và các thời điểm đón - trả, ăn, ngủ, vệ sinh, chơi trong/ngoài lớp; chủ động phòng chống tai nạn thương tích, hỗ trợ và xử lý kịp thời tình huống bất thường.

1. Theo dõi sức khỏe và phối hợp gia đình

Giáo viên theo dõi biểu hiện sức khỏe, ăn - ngủ - vệ sinh và những thay đổi bất thường; thực hiện theo dõi cân nặng, chiều cao theo quy định của nhà trường; trao đổi kịp thời với cha mẹ về chế độ ăn, giấc ngủ, dị ứng/thực phẩm không phù hợp, bệnh tật và nhu cầu hỗ trợ. Thông tin của trẻ được bảo mật và sử dụng vì lợi ích tốt nhất của trẻ.

2. Bảo đảm an toàn thể chất và an toàn tâm lý

Môi trường, đồ dùng, đồ chơi, thực phẩm và các thời điểm đón - trả, ăn, ngủ, vệ sinh, chơi trong/ngoài lớp được rà soát thường xuyên. Trẻ được làm quen dấu hiệu cảnh báo và quy tắc dừng - tránh - gọi người lớn đối với đồ nóng/sắc, ô điện, nước sâu, bếp, cửa/cầu thang, phương tiện đang di chuyển, người lạ và vùng riêng tư ở mức phù hợp. Người lớn giao tiếp tôn trọng, không quát mắng, dọa nạt hoặc dùng ăn/ngủ như hình thức thưởng - phạt.

VI. MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC

Hệ thống gồm 32 mục tiêu giáo dục năm học của độ tuổi 24-36 tháng, đồng bộ nguyên văn với Phụ lục hệ thống mục tiêu của Chương trình/Kế hoạch giáo dục nhà trường. Mỗi mục tiêu được liên kết trực tiếp với Yêu cầu cần đạt cuối tuổi nhà trẻ và nội dung giáo dục tương ứng. Giáo viên tổ chức mục tiêu trong nhiều thời điểm và bối cảnh, điều chỉnh mức hỗ trợ theo trẻ nhưng không tự ý thay đổi mã hoặc bản chất mục tiêu/YCCD

Lĩnh vực	Số mục tiêu	Phạm vi mã MT
Thể chất	7	NT24-MT01–NT24-MT07

Lĩnh vực	Số mục tiêu	Phạm vi mã MT
Tình cảm - xã hội	8	NT24-MT08–NT24-MT15
Ngôn ngữ	7	NT24-MT16–NT24-MT22
Nhận thức	6	NT24-MT23–NT24-MT28
Nghệ thuật	4	NT24-MT29–NT24-MT32
Tổng	32	NT24-MT01–NT24-MT32

1. Lĩnh vực Thể chất

Mã MT	Năng lực theo lĩnh vực	Mã YCC D tham chiếu	Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi.	Hoạt động	Dự kiến thời gian/chủ đề
NT24-MT01	Trẻ vui vẻ, hào hứng tham gia các hoạt động thể chất và cố gắng hoàn thành nhiệm vụ thể chất với sự hỗ trợ phù hợp.	TC1.1 – TC1.2	- Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động thể chất. - Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ thể chất với sự hỗ trợ.	Tổ chức vận động hằng ngày dưới hình thức chơi; đi, bò, chạy, nhún, bật, vận động theo nhạc, trò chơi vận động ngắn; khuyến khích trẻ tham gia và cố gắng thực hiện đến cùng, hỗ trợ đúng mức.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD1 CD8 CD10
NT24-MT02	Trẻ duy trì nề nếp ăn, ngủ, vệ sinh và tham gia hoạt động thể chất khi có thay đổi về môi trường, địa điểm, yêu cầu hoạt động hoặc bạn cùng chơi.	TC2.1 – TC2.2	- Duy trì thực hiện các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh khi thay đổi môi trường. - Tham gia hoạt động thể chất khi có sự thay đổi về địa điểm, yêu cầu hoạt động, bạn cùng chơi.	Rèn nhịp sinh hoạt ổn định; báo trước và hỗ trợ khi chuyển hoạt động; tạo trải nghiệm vận động ở trong lớp, ngoài trời, khu vận động, với nhóm bạn khác nhau.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD4 CD7
NT24-MT03	Trẻ thực hiện được các vận động thô phù hợp lứa tuổi, bước đầu	TC3.1 – TC3.4	Tự thực hiện được các vận động di chuyển với những yêu cầu khác nhau, bước đầu thể hiện khả năng kiểm soát vận	Kế thừa các vận động trẻ đã thực hiện: đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp/ngoài	Xuyên suốt Trọng tâm: CD1

	kiểm soát, phối hợp và giữ thăng bằng trong vận động di chuyển, vận động với dụng cụ, vận động tại chỗ và sinh hoạt hằng ngày.		động, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động di chuyển: đi, chạy thay đổi hướng, tốc độ, địa hình; bò; đi lên, xuống cầu thang có bám vịn; bật tiến về phía trước bằng cả 2 chân. - Thực hiện được vận động với dụng cụ, thiết bị, vận động với giáo viên, bước đầu thể hiện khả năng kiểm soát và phối hợp vận động: di chuyển có mang theo vật; ném xa bằng 1 tay; ném trúng đích ngang tối thiểu 1,2m; tung, bắt bóng với giáo viên khoảng cách tối thiểu 1,2m; đá trúng vào quả bóng đứng yên; trèo lên, xuống mô hình vận động có người lớn hỗ trợ; bò qua các chướng ngại vật. - Thực hiện được vận động tại chỗ, bước đầu thể hiện khả năng giữ thăng bằng tĩnh: ngồi xổm thoải mái và đứng lên không cần hỗ trợ; giữ thăng bằng trên 1 chân; bật nhảy tại chỗ. - Thực hiện được các vận động thô phù hợp trong một số hoạt động sinh hoạt hằng ngày.	ngoài, đi có mang vật; chạy; bò thẳng, bò chui, bò qua vật cản; bật tại chỗ, bật qua vạch/bật tiến; ném, tung-bắt, đá bóng; bước lên xuống bậc/cầu thang có hỗ trợ. Tăng dần mức độ theo tiến bộ của trẻ.	CĐ8 CĐ10
NT24-MT04	Trẻ thực hiện được các vận động tinh, bước đầu kiểm soát cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt khi thao tác với đồ vật, vật	TC4.1 - TC4.2	- Thao tác với đồ vật, vật liệu bước đầu thể hiện khả năng kiểm soát, điều chỉnh vận động cơ nhỏ bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt: sử dụng dụng cụ quen thuộc; vẽ các đường xoáy tròn, nét sổ thẳng, nét xiên; xếp chồng được tối thiểu 5 khối trụ; tháo lắp, xếp	Xâu, luồn, tháo lắp, xếp chồng/xếp lồng; vò, xé, nhào, nặn, di màu và tạo nét; mở/lật sách; cầm thìa, cốc, khăn; thao tác với đồ dùng quen thuộc an toàn.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ3 CĐ6 CĐ8 CĐ9

	liệu và trong sinh hoạt hằng ngày.		lồng; nhào nặn; xâu; lật giở trang sách. - Sử dụng được vận động tinh phù hợp trong một số hoạt động sinh hoạt hằng ngày.		
NT24-MT05	Trẻ có một số nhận biết ban đầu về dinh dưỡng và thực hiện hành vi ăn uống hợp lý, phù hợp với lứa tuổi.	TC5.1 – TC5.2	- Thể hiện một số nhận biết về dinh dưỡng: nói được tên một số thực phẩm, món ăn thông thường và một số thực phẩm không nên ăn. - Thực hành hành vi tốt trong ăn uống hằng ngày: ăn được đa dạng các loại thực phẩm, món ăn; tự xúc ăn và ăn hết khẩu phần.	Nhận biết thực phẩm/món ăn quen thuộc; ăn đa dạng, ăn đủ khẩu phần theo khả năng; tự xúc ăn, uống bằng cốc; hình thành thái độ tích cực với bữa ăn, không ép buộc.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD2 CD4 CD6
NT24-MT06	Trẻ hình thành một số thói quen chăm sóc sức khỏe, vệ sinh cá nhân, sử dụng đồ dùng vệ sinh phù hợp và biết báo cho người lớn khi bị đau, khó chịu.	TC6.1 - TC6.5	- Có một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ngủ đúng giờ, đi vệ sinh đúng nơi quy định, giữ vệ sinh cơ thể. - Thực hiện được một số hành vi vệ sinh cá nhân: đi vệ sinh đúng cách; che miệng khi ho, hắt hơi; súc miệng; lau mặt, mũi, rửa tay với sự giúp đỡ của người lớn. - Sử dụng được một số đồ dùng, dụng cụ vệ sinh phù hợp với sự hỗ trợ của người lớn. - Nhận biết và nói cho người lớn biết một số dấu hiệu đơn giản khi bị thương, bị đau hoặc cảm thấy khó chịu; chấp nhận mặc trang phục phù hợp thời tiết. - Thực hiện được một số hành vi vệ sinh môi trường.	Rèn ngủ, vệ sinh, rửa tay, lau mặt-mũi, che miệng khi ho/hắt hơi; dùng khăn/cốc/dụng cụ cá nhân đúng cách; báo cô khi đau/khó chịu; lựa chọn/áp nhận trang phục theo thời tiết; cất rác đúng nơi, giữ đồ dùng và khu vực chơi sạch.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD2 CD7 CD8
NT24-MT07	Trẻ nhận biết một số dấu	TC7.1 -	- Nhận biết một số dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm.	Nhận biết đồ nóng/sắc nhọn, ổ	Xuyên suốt

	hiệu cảnh báo nguy hiểm và biết tránh đồ vật, địa điểm, hành động có nguy cơ mất an toàn khi được nhắc nhở.	TC7.2	- Tránh một số đồ vật, địa điểm nguy hiểm, không thực hiện những hành động gây nguy hiểm khi được nhắc nhở.	điện, nước sâu, khu vực bếp, cửa/cầu thang, phương tiện đang di chuyển và ký hiệu cảnh báo gần gũi; thực hiện quy tắc an toàn khi chơi, ăn, ngủ, vệ sinh và đi lại.	Trọng tâm: CD3 CD5 CD9 CD10
--	---	-------	---	---	---

2. Lĩnh vực Tình cảm – Xã hội

Mã MT	Năng lực theo lĩnh vực	Mã YCCD tham chiếu	Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
NT24-MT08	Trẻ nhận biết về bản thân, thể hiện nhu cầu và điều mình thích hoặc không thích bằng cử chỉ, hành động, lời nói.	TX1.1 – TX1.3	- Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh khi được hỏi. - Thể hiện nhu cầu của bản thân bằng cử chỉ, hành động, lời nói. - Thể hiện điều bản thân thích hoặc không thích thông qua hành vi, lời nói.	Gọi tên bản thân, nhận biết ảnh/gương; nói/ra hiệu nhu cầu ăn, uống, vệ sinh, chơi; lựa chọn đồ chơi, món ăn, hoạt động và bày tỏ thích/không thích.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD2 CD5
NT24-MT09	Trẻ nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân, biết biểu lộ cảm xúc và bước đầu điều chỉnh hành vi khi được người lớn nhắc nhở.	TX2.1 – TX2.3	- Nhận ra một số cảm xúc cơ bản của bản thân. - Biểu lộ các cảm xúc khác nhau qua nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói. - Dừng lại hoặc thay đổi hành vi khi được người lớn nhắc nhở.	Gọi tên/nhận biết vui, buồn, sợ, khó chịu, tức giận ở mức phù hợp; thể hiện cảm xúc an toàn; tập dừng hành vi chưa phù hợp khi được nhắc nhẹ nhàng.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD2 CD4 CD7 CD9 CD10
NT24-MT10	Trẻ nhận biết một số thông tin về bản thân, vị trí của mình trong gia đình, nhóm/lớp và gọi tên những người gần gũi.	TX3.1 – TX3.3	- Nhận biết vị trí của bản thân là con/cháu/em... trong gia đình, nhóm, lớp. - Nhận biết một vài thông tin về bản thân. - Nhận biết và gọi tên người thân, cô giáo/thầy giáo, bạn bè.	Tên, tuổi, một vài đặc điểm; vai trò của trẻ trong gia đình/lớp; tên người thân, cô giáo, bạn; nhận biết những người gần gũi và an toàn.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD1 CD2 CD3

NT24-MT11	Trẻ bước đầu thiết lập, duy trì mối quan hệ với người thân, cô giáo/thầy giáo và bạn bè bằng cử chỉ, hành động, lời nói đơn giản; biết giúp đỡ bạn khi được hướng dẫn.	TX4.1 – TX4.3	- Làm quen với người khác bằng cử chỉ, hành động, lời nói đơn giản. - Sử dụng cử chỉ, lời nói đơn giản để thể hiện nhu cầu, mong muốn và cảm xúc với người thân, cô giáo/thầy giáo và bạn bè. - Giúp đỡ bạn khi có sự hướng dẫn của người lớn.	Chào hỏi, trò chuyện ngắn; mời bạn, xin đồ chơi, nhờ giúp; chơi cạnh/chơi cùng; cất đồ chơi cùng bạn, lấy đồ dùng giúp bạn theo hướng dẫn.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ4 CĐ9
NT24-MT12	Trẻ nhận ra một số cảm xúc của người khác, thể hiện tình cảm yêu quý, gắn bó và không làm đau người thân, cô giáo/thầy giáo, bạn bè.	TX5.1 – TX5.3	- Nhận ra và gọi tên một số cảm xúc của người khác. - Thể hiện tình cảm yêu quý, gắn bó với người thân, cô giáo/thầy giáo và bạn bè qua hành động, lời nói. - Không làm đau người thân, cô giáo và bạn bè: đánh, cắn, xô đẩy...	Quan sát nét mặt/cử chỉ để nhận biết vui-buồn; ôm, chào, nói lời yêu quý; biết nhẹ nhàng với người khác, hạn chế đánh/cắn/xô đẩy và biết tìm người lớn hỗ trợ.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ1 CĐ7 CĐ10
NT24-MT13	Trẻ biết chơi cạnh bạn, hạn chế tranh giành và biết dùng lời nói, cử chỉ hoặc hành động để yêu cầu người khác giúp đỡ.	TX6.1 – TX6.2	- Biết chơi cạnh bạn, không tranh giành với bạn. - Thể hiện lời nói/cử chỉ/hành động để yêu cầu người khác giúp đỡ.	Chờ lượt ngắn, chia sẻ đồ chơi với hỗ trợ; hợp tác nhóm nhỏ; dùng lời/cử chỉ xin giúp đỡ thay vì giành giật hoặc khóc kéo dài.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ6 CĐ7 CĐ8
NT24-MT14	Trẻ thể hiện sự lễ phép, thực hiện một số quy định đơn giản và biết cất dọn đồ chơi, đồ dùng cá nhân với sự hướng dẫn của người lớn.	TX7.1 – TX7.3	- Thể hiện sự lễ phép trong giao tiếp với người thân, cô giáo/thầy giáo. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong gia đình và nhóm lớp. - Biết cất dọn đồ chơi, đồ dùng cá nhân sau khi chơi sử dụng với sự hướng dẫn của người lớn.	Chào, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt, dạ/vâng phù hợp; xếp hàng/chờ lượt, cất đồ đúng chỗ, đi lại an toàn, thực hiện quy tắc đơn giản của lớp.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ3 CĐ5 CĐ8
NT24-MT15	Trẻ thực hiện một số hành động đơn giản	TX8.1 – TX8.2	- Thực hiện một số cử chỉ, hành động đơn giản chăm sóc vật nuôi, cây	Tưới cây, nhặt lá, quan sát/chăm sóc con vật an toàn;	Xuyên suốt Trọng

	chăm sóc cây trồng, vật nuôi và quan tâm, bảo vệ môi trường xung quanh khi được hướng dẫn.		trồng, khi được hướng dẫn. - Thực hiện một số hành vi quan tâm, bảo vệ môi trường xung quanh.	không bẻ cây, không làm đau con vật; bỏ rác đúng nơi, tiết kiệm nước khi được nhắc.	tâm: CĐ5 CĐ6 CĐ8 CĐ9
--	--	--	--	---	----------------------------------

3. Lĩnh vực Ngôn ngữ

Mã MT	Năng lực theo lĩnh vực	Mã YCC D tham chiếu	Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
NT24 - MT16	Trẻ lắng nghe, hiểu lời nói, thực hiện được hướng dẫn đơn giản và trả lời câu hỏi đơn giản trong những tình huống quen thuộc.	NN1.1 – NN1.2	- Nghe và thực hiện được theo các hướng dẫn đơn giản bằng lời nói. - Hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản liên quan đến tình huống quen thuộc.	Nghe lời nói có sắc thái tình cảm; thực hiện yêu cầu 1-2 bước phù hợp; trả lời ai/cái gì/làm gì/ở đâu/thế nào trong tình huống gần gũi.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ2 CĐ4 CĐ10
NT24 - MT17	Trẻ phát âm rõ các tiếng quen thuộc; sử dụng câu đơn, đặt câu hỏi đơn giản, kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt và dùng một số từ chỉ sự lễ phép phù hợp.	NN2.1 – NN2.5	- Phát âm rõ các tiếng quen thuộc. - Sử dụng được câu đơn với các từ ngữ quen thuộc để diễn đạt ý muốn của bản thân. - Đặt được câu hỏi đơn giản. - Kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt để thể hiện ý kiến hoặc cảm xúc. - Sử dụng được các từ chỉ sự lễ phép đơn giản như chào, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt phù hợp với tình huống giao tiếp và văn hóa.	Mở rộng vốn từ theo chủ đề; nói câu đơn ngắn; hỏi về điều trẻ quan tâm; nói nhu cầu/cảm xúc; luyện phát âm qua trò chuyện, thơ, truyện, bài hát; dùng lời lễ phép trong tình huống thật.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ1 CĐ2 CĐ5 CĐ6 CĐ8 CĐ10
NT24 - MT18	Trẻ bước đầu thể hiện ngôn ngữ sáng tạo qua việc nói về	NN3.1 – NN3.2	- Diễn đạt được bằng lời nói các hành động của nhân vật trong tranh truyện theo cách	Xem tranh và nói hành động nhân vật; kể lại đoạn đơn giản theo gợi	Xuyên suốt Trọng tâm:

	hành động của nhân vật trong tranh truyện, kể chuyện, đọc thơ, hát theo cách của trẻ.		của trẻ. - Kể chuyện, đọc thơ, hát... có nhịp điệu, diễn cảm theo cách của trẻ.	ý; đọc thơ/đồng dao, hát, bắt chước lời thoại với biểu cảm tự nhiên.	CĐ3 CĐ7 CĐ9
NT24 - MT19	Trẻ hứng thú với sách và ấn phẩm; chủ động cầm, mở, lật sách và vui thích khi được nghe đọc sách.	NN4.1 – NN4.2	- Chủ động cầm, mở, lật sách, ấn phẩm trong môi trường chơi - học. - Vui thích khi được nghe đọc sách.	Tạo góc sách mở; trẻ tự chọn, cầm đúng chiều tương đối, lật từng trang; nghe cô đọc sách/truyện ngắn, cùng xem tranh.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ4 CĐ9
NT24 - MT20	Trẻ bước đầu nhận biết phân hình ảnh và phân chữ viết trong sách tranh.	NN5.1	- Chỉ được phân hình ảnh và chữ viết trong sách tranh.	Nhận biết sách có hình ảnh và chữ viết; chỉ hình và phân chữ khi cô gọi ý; làm quen ký hiệu/tên góc gần gũi.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ6 CĐ8
NT24 - MT21	Trẻ hứng thú cầm và sử dụng bút hoặc sáp màu để tạo nét vẽ trên giấy hoặc bảng.	NN6.1	- Chủ động cầm và sử dụng bút hoặc sáp màu để tạo nét vẽ trên giấy hoặc bảng.	Tạo cơ hội chọn bút/sáp, vẽ tự do trên giấy/bảng; tôn trọng cách cầm và sản phẩm theo khả năng, hướng dẫn an toàn.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ1 CĐ5 CĐ7 CĐ9
NT24 - MT22	Trẻ tạo được nét vẽ nguệch ngoạc theo khả năng và hứng thú của bản thân.	NN7.1	- Tạo được nét vẽ nguệch ngoạc.	Vẽ nguệch ngoạc có chủ ý, tạo nét thẳng/xiên/xoáy theo khả năng; “viết” theo cách của trẻ trong chơi giả vờ.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ3 CĐ4 CĐ6 CĐ8 CĐ10

4. Lĩnh vực Nhận thức

Mã MT	Năng lực theo lĩnh vực	Mã YCCD tham chiếu	Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
NT24-	Trẻ thể hiện	NT1.1	- Thích thú với những	Quan sát, nghe,	Xuyên

MT23	sự tò mò, thích thú với điều mới và sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá con người, sự vật, hiện tượng gần gũi.	– NT1.2	điều mới: chăm chú nhìn, nghe, hỏi về con người, sự vật, hiện tượng. - Sử dụng các giác quan để tìm hiểu, khám phá các đối tượng gần gũi xung quanh.	sờ, ngửi, ném an toàn; chú ý điều mới; hỏi/ra hiệu; khám phá âm thanh, màu sắc, kết cấu, mùi vị, chuyển động của đồ vật/sự vật gần gũi.	suốt Trọng tâm: CD1 CD4 CD6
NT24-MT24	Trẻ chủ động thực hiện hoặc lặp lại hành động tìm tòi, khám phá và thử các cách khác nhau để khám phá thế giới đồ vật.	NT2.1 – NT2.2	- Thực hiện hoặc lặp lại các hành động tìm hiểu, khám phá con người, sự vật, hiện tượng gần gũi theo gợi ý hoặc bắt chước người khác. - Thử các cách khác nhau để khám phá thế giới đồ vật.	Cầm, lắc, gõ, xếp, thả, đẩy, kéo, mở-đóng, thử nhiều cách sử dụng vật an toàn; bắt chước thao tác và tự thử lại.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD3 CD4 CD7
NT24-MT25	Trẻ có hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng gần gũi; bước đầu nhận biết số lượng, kích thước, hình phẳng, công dụng và sự thay đổi bên ngoài của một số đối tượng.	NT3.1- NT3.5	- Gọi tên và mô tả đặc điểm nổi bật của con người, sự vật, hiện tượng gần gũi. - Nhận biết số lượng và kích thước của một số đồ vật. NT3.3. Nhận biết và gọi tên một số hình phẳng cơ bản. - Nói được công dụng của một số đồ vật quen thuộc. - Nhận biết sự thay đổi bên ngoài của con người, sự vật, hiện tượng gần gũi.	Tên/đặc điểm/công dụng của bản thân, người gần gũi, đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây-hoa-quả-rau, PTGT, thời tiết; nhận biết một-nhiều, to-nhỏ; hình tròn/hình vuông và một số hình gần gũi theo chương trình; quan sát thay đổi đơn giản.	Xuyên suốt Trọng tâm: CD5 CD6 CD7 CD8 CD9 CD10
NT24-MT26	Trẻ bước đầu biết phân biệt, phân loại sự vật theo một đặc điểm chung và xác định vị trí của vật so với bản thân.	NT4.1 – NT4.3	- Phân biệt được hai đối tượng. - Phân loại sự vật dựa trên một đặc điểm chung. - Xác định vị trí của vật so với bản thân.	So sánh/phân biệt hai đồ vật theo một dấu hiệu nổi bật; phân loại màu, hình, kích thước/công dụng đơn giản; xác định trên-dưới, trước-sau so với bản thân qua chơi	Xuyên suốt Trọng tâm: CD2 CD3 CD10

				và sinh hoạt.	
NT24-MT27	Trẻ thực hiện hành động đơn giản phù hợp với tình huống và biết thử, điều chỉnh hành động để giải quyết một số vấn đề đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.	NT5.1 – NT5.2	- Thể hiện hành động đơn giản phù hợp với tình huống trong sinh hoạt hằng ngày. - Thử và điều chỉnh hành động để giải quyết vấn đề đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.	Tìm đồ vật bị che giấu; chọn dụng cụ phù hợp; thử xếp/lắp/đưa đồ vật qua vật cản; tìm cách lấy đồ chơi an toàn; thử lại khi chưa thành công với hỗ trợ vừa đủ.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ4 CĐ6 CĐ8 CĐ9
NT24-MT28	Trẻ thực hiện hành động đơn giản, phù hợp và an toàn dựa trên hiểu biết về con người, đồ vật và môi trường gần gũi.	NT6.1 – NT6.2	- Thực hiện các hành động đơn giản dựa trên hiểu biết về con người, đồ vật và môi trường xung quanh trong các tình huống quen thuộc. - Thực hiện hành động an toàn, bảo vệ bản thân, sự vật và môi trường gần gũi xung quanh.	Dùng đồ dùng đúng công dụng; thực hiện hành động phù hợp với người lớn/bạn; cất đồ đúng chỗ; chăm cây/con vật; giữ an toàn và bảo vệ đồ vật, môi trường theo tình huống quen thuộc.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ5 CĐ7 CĐ8 CĐ9 CĐ10

5. Lĩnh vực Nghệ thuật

Mã MT	Năng lực theo lĩnh vực	Mã YCCD tham chiếu	Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
NT24-MT29	Trẻ thể hiện cảm xúc bằng nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	NgT1.1	- Thể hiện cảm xúc bằng những cách khác nhau (thích/không thích, dễ chịu/khó chịu, tán thưởng, hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, đung đưa, lắc lư...) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	Quan sát vẻ đẹp màu sắc, âm thanh, thiên nhiên; nghe nhạc/xem tranh; cho trẻ tự do biểu lộ cảm xúc bằng ánh mắt, cử chỉ, lời nói, vận động.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ2 CĐ6 CĐ8 CĐ9

NT24-MT30	Trẻ hứng thú nghe nhạc, hát, vận động theo nhạc, tạo âm thanh với đồ dùng/dụng cụ âm nhạc và tham gia biểu diễn cùng người lớn.	NgT2.1 – NgT2.5	- Lắng nghe và thể hiện được cảm nhận của bản thân với bài hát, bản nhạc. - Hát theo giai điệu/bài hát ngắn, phù hợp lứa tuổi. - Vận động đơn giản, lặp đi lặp lại theo bài hát, bản nhạc (vỗ tay, giậm chân, vẫy tay, nhún nhảy theo nhịp điệu âm nhạc...). - Tạo ra âm thanh bằng cách chơi với các đồ dùng, dụng cụ âm nhạc. -. Thể hiện sự hứng thú khi tham gia biểu diễn âm nhạc với người lớn.	Nghe hát/nghe nhạc; hát câu ngắn; vận động theo nhạc; chơi xúc xắc/trồng nhỏ/nhạc cụ an toàn; biểu diễn cùng cô trong sinh hoạt, lễ hội.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ1 CĐ3 CĐ4 CĐ5 CĐ6 CĐ7 CĐ8 CĐ9 CĐ10
NT24-MT31	Trẻ làm quen, sử dụng một số phương tiện, nguyên vật liệu tạo hình; thực hiện thao tác tạo hình cơ bản và nói về sản phẩm theo cảm nhận của bản thân.	NgT3.1 – NgT3.3	- Làm quen và sử dụng một số phương tiện, nguyên vật liệu tạo hình đơn giản. - Thực hiện một số thao tác tạo hình cơ bản (di màu, vẽ nguệch ngoạc, vò, nặn, in, xé, dán, lắp ghép) để tạo ra sản phẩm đơn giản và thích thú với quá trình đó. - Nói về sản phẩm tạo hình do trẻ tạo ra theo cảm nhận của bản thân.	Bút sáp, giấy, đất nặn, vật liệu thiên nhiên/an toàn; di màu, vẽ tự do, vò/xé/dán, nặn, in, lắp ghép; trẻ gọi tên/nói điều mình thích ở sản phẩm.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ1 CĐ2 CĐ4 CĐ5 CĐ6 CĐ7 CĐ8 CĐ9 CĐ10

NT24-MT32	Trẻ bước đầu thể hiện hình ảnh người thân và thể hiện lại một số lời nói, cử chỉ, hành động đơn giản của nhân vật mà trẻ yêu thích.	NgT4.1 - NT4.2	- Thể hiện hình ảnh của người thân (lời nói, cử chỉ, hành động, trang phục...) trong các hoạt động sinh hoạt hằng ngày. - Thể hiện lại một vài lời nói, cử chỉ, hành động đơn giản của nhân vật trong câu chuyện, phim hoặc vở kịch mà trẻ yêu thích.	Chơi thao tác vai: bế em, nấu ăn, bác sĩ, bán hàng, lái xe; bắt chước lời/cử chỉ nhân vật trong truyện, rối, phim ngắn phù hợp.	Xuyên suốt Trọng tâm: CĐ3 CĐ5 CĐ7 CĐ10
-----------	---	-------------------	--	---	---

VII. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động với đồ vật

Đây là hoạt động chủ đạo ở lứa tuổi nhà trẻ. Tạo cơ hội cho trẻ cầm, nắm, xếp, lắp, tháo, mở, đóng, đẩy, kéo, thử nghiệm công dụng và mối quan hệ đơn giản giữa đồ vật; kết hợp phát triển ngôn ngữ, nhận thức, vận động tinh và giải quyết vấn đề. Học liệu đặt trong tầm với, đủ số lượng, kích thước phù hợp và bảo đảm an toàn.

2. Hoạt động chơi

Tổ chức chơi vận động, chơi thao tác vai, chơi với đồ vật, chơi âm nhạc – tạo hình và chơi ngoài trời; ưu tiên cá nhân và nhóm nhỏ, cho trẻ lựa chọn, lặp lại và thay đổi cách chơi theo hứng thú. Giáo viên hỗ trợ trẻ chuyển từ chơi cạnh sang chơi cùng, chia sẻ và chờ lượt ngắn.

3. Hoạt động chơi – tập có chủ đích

Tổ chức ngắn gọn, rõ mục tiêu, giàu trải nghiệm và tích hợp nhiều lĩnh vực; giáo viên làm mẫu khi cần, dùng lời nói ngắn, đặt câu hỏi/gợi ý đơn giản, chờ trẻ phản ứng và giảm dần mức hỗ trợ. Không biến chơi – tập thành giờ học kéo dài, không yêu cầu mọi trẻ thực hiện cùng tốc độ hoặc sản phẩm giống nhau.

4. Hoạt động giao tiếp và sinh hoạt hằng ngày

Khai thác đón – trả trẻ, ăn, ngủ, vệ sinh, chuyển tiếp, cất đồ dùng, giao tiếp với cô và bạn để phát triển tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, tự lực, thích ứng và hành vi an toàn. Giáo viên gọi tên cảm xúc, mở rộng lời nói của trẻ, cho lựa chọn đơn giản và khuyến khích trẻ tự làm việc vừa sức.

5. Hoạt động ngoài trời, trải nghiệm và lễ hội/sự kiện

Tổ chức quan sát cây, con vật, thời tiết, phương tiện; vận động và chơi vật liệu thiên nhiên an toàn; ưu tiên trải nghiệm gần gũi, đa giác quan. Lễ hội và sự kiện được tổ chức nhẹ nhàng, phù hợp lứa tuổi, ưu tiên niềm vui và sự tham gia tự nhiên; không luyện tập kéo dài hoặc gây áp lực.

6. Phương pháp giáo dục

Tác động bằng tình cảm tích cực, giao tiếp gần gũi, tôn trọng; phản hồi nhu cầu của trẻ kịp thời.

Trực quan, làm mẫu, bắt chước, trò chuyện, kể chuyện, gợi mở, chơi, thực hành – trải nghiệm và lặp lại trong tình huống có ý nghĩa; ưu tiên vật thật, đồ chơi và học liệu an toàn.

Tăng tương tác 1:1 và nhóm nhỏ; quan sát để điều chỉnh mức hỗ trợ; cho trẻ đủ thời gian phản hồi, thử lại và lựa chọn.

Khuyến khích, nêu gương, phản hồi tích cực; chú trọng sự cố gắng và tiến bộ của chính trẻ, không so sánh trẻ với trẻ khác.

7. Môi trường giáo dục

Khu vực/thành tố	Yêu cầu thực tế	Cách sử dụng giáo dục
Trong lớp	An toàn, dễ quan sát; học liệu ở tầm với; có khu hoạt động với đồ vật, thao tác vai, sách tranh, tạo hình và vận động; bố trí chỗ yên tĩnh khi trẻ cần ổn định cảm xúc.	Thay đổi học liệu theo mục tiêu/hứng thú; ưu tiên vật thật, vật liệu mở; khuyến khích trẻ lựa chọn và cất dọn.
Ngoài trời	Thiết bị, bề mặt, cây xanh, khu vận động được kiểm tra an toàn; có không gian quan sát thiên nhiên và vận động.	Tổ chức vận động, cát – nước, quan sát cây/con vật/thời tiết và trải nghiệm gần gũi, đa giác quan.
Ăn – ngủ – vệ sinh	Sạch, thông thoáng, thuận tiện, tôn trọng riêng tư; đồ dùng cá nhân và quy trình an toàn.	Biến thời điểm chăm sóc thành cơ hội giao tiếp, tự phục vụ, sức khỏe, tự lực và thích ứng.
Tâm lý - xã hội	Ngôn ngữ tôn trọng; không so sánh, gán nhãn, quát mắng; người lớn lắng nghe và phản hồi nhu cầu.	Tạo gắn bó, cho lựa chọn hợp lý, hỗ trợ trẻ bày tỏ cảm xúc và tìm người lớn giúp đỡ.
Học liệu/công nghệ	Đồ dùng, đồ chơi phù hợp kích thước, không độc hại; ưu tiên vật liệu địa phương/thân thiện khi an toàn. Trẻ nhà trẻ hạn chế tối đa tiếp xúc màn hình.	Công nghệ chủ yếu phục vụ giáo viên thiết kế học liệu, ghi nhận quá trình và phối hợp gia đình; không thay thế vật thật, sách thật, giao tiếp và vận động.

8. Ứng dụng công nghệ và học liệu số

Công nghệ chỉ được sử dụng khi có giá trị giáo dục rõ ràng như xem hình ảnh khó quan sát trực tiếp, nghe âm nhạc, ghi lại quá trình trải nghiệm hoặc hỗ trợ trò chơi ngắn. Thời lượng màn hình được kiểm soát; ưu tiên vận động, giao tiếp, thao tác vật thật và trải nghiệm trực tiếp.

9. Giáo dục hòa nhập, phân hóa và hỗ trợ cá nhân

Giáo viên quan sát để phát hiện sớm trẻ có khó khăn về giao tiếp, vận động, chú ý, cảm xúc – hành vi, ăn – ngủ, tự phục vụ hoặc tham gia hoạt động. Tùy nhu cầu, điều chỉnh học liệu, môi trường, cách giao tiếp, thời lượng, quy mô nhóm, cách giao nhiệm vụ và mức hỗ trợ; ưu tiên tín hiệu trực quan, làm mẫu, lời nói ngắn, nhiệm vụ một bước rồi tăng dần và cơ hội lặp lại. Với trẻ khuyết tật học hòa nhập, thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân theo quy định và đánh giá dựa trên sự tiến bộ của chính trẻ.

VIII. THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH

Đánh giá diễn ra tự nhiên, thường xuyên trong nuôi dưỡng, chăm sóc, chơi và hoạt động giáo dục; không dùng bài tập hoặc câu hỏi theo kiểu kiểm tra. Giáo viên quan sát sự thay đổi của chính trẻ theo thời gian, sử dụng nhiều minh chứng và xem xét bối cảnh/mức hỗ trợ trước khi kết luận.

Nội dung theo dõi	Minh chứng/cách thu thập	Thời điểm	Sử dụng kết quả
Sức khỏe, ăn – ngủ – vệ sinh, an toàn	Quan sát hằng ngày; theo dõi sức khỏe, cân nặng/chiều cao theo quy định; trao đổi gia đình.	Hằng ngày; theo lịch theo dõi sức khỏe.	Điều chỉnh chế độ sinh hoạt, môi trường, chăm sóc và phối hợp gia đình; xử lý sớm dấu hiệu bất thường.
Thích nghi, cảm xúc và mức độ tham gia	Quan sát đón – trả, chuyển hoạt động, chơi, tương tác; ghi chép thay đổi rõ rệt.	Hằng ngày; rà soát cuối tuần/tháng.	Điều chỉnh cách đón, tín hiệu chuyển tiếp, quy mô nhóm, thời lượng và mức hỗ trợ cảm xúc.
Mức độ thực hiện 32 MT/YCCD cuối tuổi nhà trẻ	Quan sát, trò chuyện, quá trình/sản phẩm hoạt động, tình huống thực tế; đối chiếu cơ hội đã tổ chức.	Cuối tháng/chủ đề; giữa học kỳ; cuối học kỳ/năm.	Xác định MT/YCCD đã có đủ cơ hội, nội dung cần tiếp tục; điều chỉnh kế hoạch tiếp theo và bảo đảm độ bao phủ Chương trình.
Trẻ cần hỗ trợ riêng/trẻ có sở trường	Quan sát chuyên biệt, trao đổi gia đình, hồ sơ hỗ trợ (nếu có), minh chứng về mức hỗ trợ và khả năng thể hiện.	Khi phát hiện nhu cầu; rà soát định kỳ.	Điều chỉnh nhiệm vụ, học liệu, nhóm bạn, mức hỗ trợ; đề xuất hỗ trợ chuyên môn khi cần.

Cuối năm, tổ/khối tổng hợp mức tiến bộ của trẻ theo 32 mục tiêu và YCCD cuối tuổi nhà trẻ, những nội dung cần tiếp tục củng cố và thông tin cần bàn giao cho độ tuổi 3-4 tuổi. Không xếp hạng trẻ, không yêu cầu trẻ phải biểu hiện đồng loạt tại một thời điểm và không sử dụng kết quả để tạo áp lực chuyển cấp.

IX. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN NĂM HỌC 2026 - 2027

Các chủ đề được xây dựng theo hướng mở, gắn gũi với đời sống của trẻ Nhà trẻ, tạo cơ hội tích hợp nhiều lĩnh vực và có thể linh hoạt mở rộng từ câu hỏi, hứng thú, trải nghiệm thực tế của trẻ. Việc lựa chọn nội dung cụ thể trong từng tuần căn cứ 32 mục tiêu giáo dục năm học, lộ trình YCCD tham chiếu, điều kiện thực tế và các sự kiện phù hợp; chủ đề là phương tiện tổ chức, không phải đích của Chương trình.

1. Dự kiến chủ đề

TT	Chủ đề lớn	Số tuần	Thời gian dự kiến
1	Bước chân nhỏ đến trường	3	07/9 - 25/9/2026
2	Bé thật đáng yêu	3	28/9 - 16/10/2026
3	Vòng tay yêu thương	4	19/10 - 13/11/2026
4	Bé thích nghề gì?	5	16/11 - 18/12/2026
5	Những người bạn đáng yêu	4	21/12 - 15/01/2027
6	Khu vườn sắc màu - Tết ẩm áp	5	18/01 - 26/02/2027

TT	Chủ đề lớn	Số tuần	Thời gian dự kiến
7	Bánh xe quanh bé	4	01/03 - 26/3/2027
8	Bản sắc thiên nhiên	2	29/3 - 09/4/2027
9	Bé yêu Việt Nam	3	12/4 - 30/4/2027
10	Bé lớn thêm một tuổi	2	3/5 - 14/5/2027

2. Dự kiến phân phối 35 tuần thực hiện

STT	Tên chủ đề	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Tuần	Thời gian	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
1	Bước chân nhỏ đến trường	Ngày hội bé đến trường	1	07/09– 11/09/2026	Làm quen lớp, cô, bạn; nề nếp; cảm xúc; lựa chọn góc chơi; an toàn khi đến trường.	Khai giảng 05/09/2026
		Ngôi trường của bé	2	14/09– 18/09/2026	Khám phá khu vực, con người và hoạt động trong trường; thực hành chào hỏi, hợp tác, tự phục vụ đơn giản.	
		Bé vui hội trăng rằm	3	21/09– 25/09/2026	Trải nghiệm văn hóa Trung thu; chia sẻ, chơi nhóm, nghe kể chuyện, tạo sản phẩm và tham gia hoạt động tập thể vừa sức.	Tết Trung thu 25/09/2026
2	Bé thật đáng yêu	Bé là ai?	4	28/09– 02/10/2026	Nhận biết tên, tuổi, đặc điểm, sở thích; mạnh dạn bày tỏ nhu cầu; tôn trọng khác biệt.	
		Khuôn mặt dễ thương	5	05/10– 09/10/2026	Khám phá bộ phận cơ thể, giác quan, vận động; vùng riêng tư và kỹ năng bảo vệ bản thân ở mức đơn giản.	
		Bé khỏe mỗi ngày	6	12/10– 16/10/2026	Dinh dưỡng, vệ sinh, vận động, trang phục theo thời tiết; tự phục vụ và báo người lớn khi mệt/đau.	
3	Vòng tay	Bé yêu bà, mẹ	7	19/10–	Thể hiện quan tâm, lời	

	yêu thương	và cô		23/10/2026	chúc, việc làm vừa sức; trải nghiệm nghệ thuật, ngôn ngữ và hợp tác.	
		Gia đình của bé	8	26/10–30/10/2026	Nhận biết thành viên, mối quan hệ, công việc; kể chuyện về gia đình; chia sẻ, giúp đỡ người thân.	
		Ngôi nhà bé ở	9	02/11–06/11/2026	Khám phá không gian sống; an toàn với điện, lửa, nước nóng, vật sắc nhọn; cất đồ đúng chỗ.	
		Đồ dùng trong gia đình	10	09/11–13/11/2026	Nhận biết một số đồ dùng, cách sử dụng an toàn, tiết kiệm; xếp/ghép trong khi chơi.	
4	Bé thích nghề gì?	Ngày hội của cô giáo	11	16/11–20/11/2026	Tìm hiểu công việc cô giáo; nói lời cảm ơn; tạo sản phẩm và hoạt động nghệ thuật nhẹ nhàng, không áp lực biểu diễn.	Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
		Bác nông dân chăm chỉ	12	23/11–27/11/2026	Khám phá nghề nông, nguồn gốc thực phẩm, quá trình tạo sản phẩm; đếm, phân loại và trân trọng lao động.	
		Bé yêu cô chú công nhân	13	30/11–04/12/2026	Tìm hiểu nghề công nhân, nguyên liệu, công cụ.	
		Bé và bác sĩ	14	07/12–11/12/2026	Tìm hiểu nghề y; thực hành giao tiếp và hành vi phù hợp.	
		Bé thích làm chú bộ đội	15	14/12–18/12/2026	Trải nghiệm câu chuyện, hình ảnh, vận động và nghệ thuật về chú bộ đội; giáo dục yêu quý, hợp tác và hòa bình.	
5	Những	Vật nuôi gần	16	21/12–	Tìm hiểu các con vật	Ngày thành

	người bạn đáng yêu	gửi		25/12/2026	nuôi trong nhà, phân loại.	lập QĐND Việt Nam 22/12
		Các con vật đến từ đại dương	17	28/12/2026 – 01/01/2027	Tìm hiểu sinh vật nước qua hình ảnh/vật thật phù hợp; đếm, phân loại.	Tết Dương lịch 01/01/2027
		Bí mật của rừng xanh	18	04/01– 08/01/2027	Nhận biết một số động vật sống trong rừng, nơi sống.	
		Côn trùng quanh bé	19	11/01– 15/01/2027	Khám phá một số côn trùng; nhận biết có lợi/có hại ở mức đơn giản; giữ khoảng cách và ứng xử an toàn.	
6	Khu vườn sắc màu- Tết ấm áp	Bé yêu cây xanh	20	18/01– 22/01/2027	Tìm hiểu một số loại cây xanh quanh bé.	
		Những bông hoa xinh xắn	21	25/01– 29/01/2027	Khám phá một số loại hoa bằng giác quan; tạo sản phẩm theo thích.	
		Bé vui đón tết	22	01/02– 05/02/2027	Trải nghiệm phong tục, lời chúc, trang trí, món ăn và an toàn dịp Tết; cùng chuẩn bị không gian Tết.	Tết Nguyên đán; lịch nghỉ theo quy định
		Xuân mới vui	23	15/02– 19/02/2027	Chia sẻ trải nghiệm sau Tết; khám phá hoa, quả, bánh; so sánh, phân loại, kể chuyện và tạo hình.	
		Rau xanh quanh bé	24	22/02– 26/02/2027	Quan sát một số loại rau, biết giữ môi trường sạch đẹp.	
7	Bánh xe quanh bé	Xe chạy trên đường	25	01/03– 05/03/2027	Nhận biết một số phương tiện đường bộ: Ô tô, xe máy, xe đạp.	
		Bé đi máy bay	26	08/03– 12/03/2027	Nhận biết phương tiện đường hàng không: Máy bay.	Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03
		Đoàn tàu đáng yêu	27	15/03– 19/03/2027	Nhận biết một số phương tiện đường sắt:	

					Tàu	
		Thuyền về bến	28	22/03– 26/03/2027	Nhận biết một số phương tiện đường thủy: Tàu thủy, thuyền.	Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/03
8	Bản sắc thiên nhiên	Nước có từ đâu?	29	29/03– 02/04/2027	Khám phá một số ích lợi của nước; thí nghiệm nổi/chìm, tan/không tan đơn giản; tiết kiệm nước.	
		Hiện tượng tự nhiên quanh bé	30	05/04– 09/04/2027	Quan sát nắng, mưa, gió, ngày/đêm.	
9	Bé yêu Việt Nam	Đức An quê bé	31	12/04– 16/04/2027	Khám phá cảnh đẹp, con người, nông sản đặc trưng của Đức An.	Giỗ Tổ Hùng Vương; lịch nghỉ theo quy định
		Việt Nam trong mắt bé	32	19/04– 23/04/2027	Làm quen cờ Tổ quốc, một số hình ảnh/văn hóa Việt Nam gần gũi; nghe hát, kể chuyện và tạo hình.	
		Bác Hồ kính yêu	33	26/04– 30/04/2027	Nhận biết hình ảnh Bác Hồ, thể hiện tình cảm qua thơ/hát/kể chuyện; củng cố kỹ năng tự phục vụ.	Ngày Giải phóng miền Nam 30/4; nghỉ lễ theo quy định
10	Bé lớn thêm 1 tuổi	Bé vui học	34	03/05– 07/05/2027	Biết một số đồ dùng học tập ở lớp.	Quốc tế Lao động 01/5; lịch nghỉ theo quy định
		Bé lên mẫu giáo	35	10/05– 14/05/2027	Biết được mình sắp lên mẫu giáo.	

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của tổ/khối trưởng chuyên môn

Tổ/khối trưởng tham mưu Ban giám hiệu triển khai kế hoạch; kiểm soát sự thống nhất giữa 32 MT, YCCD cuối tuổi nhà trẻ, nội dung, chủ đề và tiến độ; tổ chức sinh hoạt chuyên môn dựa trên minh chứng thực tế của trẻ; hỗ trợ giáo viên tổ chức chế độ sinh hoạt, hoạt động với đồ vật, chơi – tập, môi trường, quan sát – đánh giá và giáo dục hòa

nhập. Định kỳ rà soát MT/YCCD chưa được tạo đủ cơ hội và những khó khăn chung của khối để điều chỉnh.

2. Trách nhiệm của giáo viên

Giáo viên cụ thể hóa kế hoạch năm thành kế hoạch tháng/chủ đề, tuần và ngày; xác định mục tiêu/YCCD trọng tâm gắn với hoạt động trong toàn bộ chế độ sinh hoạt, không dồn nội dung vào giờ chơi – tập có chủ đích. Quan sát đầu vào và hằng ngày; lựa chọn hoạt động vừa sức, tăng dần yêu cầu, bảo đảm trẻ được chơi, thao tác, trải nghiệm, lặp lại và lựa chọn; ghi nhận tiến bộ, khó khăn và điều chỉnh kịp thời.

3. Phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng

Duy trì trao đổi hai chiều về sức khỏe, dinh dưỡng, ăn – ngủ – vệ sinh, cảm xúc, sở thích, ngôn ngữ, tiến bộ và nội dung cần phối hợp; thống nhất cách hỗ trợ trẻ giữa gia đình và nhà trường. Khuyến khích cha mẹ tạo cơ hội để trẻ tự xúc ăn, cất/lấy đồ, giao tiếp, xem sách, vận động và tham gia việc nhỏ vừa sức; tham gia trải nghiệm hoặc cung cấp học liệu an toàn khi phù hợp. Bảo mật thông tin cá nhân và huy động nguồn lực hợp pháp, minh bạch.

4. Rà soát, điều chỉnh và báo cáo

Kế hoạch được rà soát khi có thay đổi về trẻ, điều kiện nhóm/lớp, thời gian năm học, văn bản hướng dẫn hoặc kết quả đánh giá. Điều chỉnh phải có căn cứ từ minh chứng, bảo đảm bản chất của 32 MT và YCCD cuối tuổi nhà trẻ; thay đổi đáng kể được tổ/khối thống nhất với Ban giám hiệu và cập nhật đồng thời ở các cấp kế hoạch liên quan. Cuối học kỳ và cuối năm, tổ/khối tổng hợp kết quả thực hiện, nội dung cần tiếp tục và đề xuất cải tiến cho chu kỳ sau.

NGƯỜI LÊN KẾ HOẠCH
TỔ KHỐI TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Dương Thị Phụng

NGƯỜI DUYỆT KẾ HOẠCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Huyền